**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN: VẬT LÝ**

**Năm học 2020 - 2021**

**KHỐI 6**

Cả năm: 35 tuần = 35 tiết (1 tiết/1 tuần)

Học kỳ I: 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết

 Học kỳ II: 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

**HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Thời lượng dạy học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Điều chỉnh****thực hiện** |
| **Chương I: Cơ học** | **15 tiết** |  |  |  |
| 1 | 1 | Chủ đề: Đo độ dài | 1 | - Nêu được một số dụng cụ đo độ dài với GHD và ĐCNN của chúng.- Xác định được GHĐ, ĐCNN của dụng cụ đo độ dài.- Xác định được độ dài trong một số tình huống thông thường | Cả lớp, cá nhân, nhóm | Tích hợp bài 1 và bài 2 thành chủ đề.Bài 1: Mục I. Đơn vị đo độ dài- Học sinh tự đọcBài 2: Mục II. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn. |
| 2 | 2 | Bài 3. Đo thể tích chất lỏng | 1 | **-** Nêu được một số dụng cụ đo thể tích với GHĐ và ĐCNN của chúng.- Xác định được GHĐ, ĐCNN của bình chia độ.- Đo được thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình chia độ. | Cả lớp, cá nhân, nhóm |  |
| 3 | 3 | Bài 4. Đo thể tích vật rắn không thấm nước | 1 | Xác định được thể tích của vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn. | Cả lớp, cá nhân, nhóm | Mục II. Vận dụng. Tự học có hướng dẫn. |
| 4 | 4 | Bài 5. Khối lượng - Đo khối lượng | 1 | **-** Nêu được khối lượng của một vật cho biết lượng chất tạo nên vật.- Đo được khối lượng bằng cân. | Cả lớp, cá nhân, nhóm |  |
| 5 | 5 | Bài 6. Lực. Hai lực cân bằng | 1 | - Nêu được ví dụ về tác dụng đẩy, kéo của lực.- Nêu được ví dụ về vật đứng yên dưới tác dụng của hai lực cân bằng và chỉ ra được phương, chiều, độ mạnh yếu của hai lực đó. | Cả lớp, cá nhân, nhóm | Mục IV. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn. |
| 6 | 6 | Bài 7. Tìm hiểu kết quả tác dụng của lực | 1 | Nêu được ví dụ về tác dụng của lực làm vật biến dạng hoặc biến đổi chuyển động (nhanh dần, chậm dần, đổi hướng).  | Cả lớp, cá nhân, nhóm | Mục III. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn. |
| 7 | 7 | Bài 8. Trọng lực. Đơn vị lực  | 1 | - Nêu được trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật và độ lớn của nó được gọi là trọng lượng.- Nêu được đơn vị đo lực. | Cả lớp, cá nhân, nhóm | Mục III. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn. |
| 8 | 8 | Bài 9. Lực đàn hồi | 1 | - Nhận biết được lực đàn hồi là lực của vật bị biến dạng tác dụng lên vật làm nó biến dạng.- So sánh được độ mạnh, yếu của lực dựa vào tác dụng làm biến dạng nhiều hay ít.- Nêu được ví dụ về một số lực. | Cả lớp, cá nhân, nhóm |  |
| 9 | 9 | Ôn tập  | 1 | Ôn tập lại kiến thức đã học | Cả lớp, nhóm |  |
| ***10*** | ***10*** | ***Kiểm tra giữa kì I*** | ***1*** | ***Kiểm tra mức độ nắm vững các kiến thức trong chương đã học*** | ***Cá nhân*** |  |
| 11 | 11 | Bài 10. Lực kế - phép đo lực trọng lượng và khối lượng | 1 | ***-*** Viết được công thức tính trọng lượng P = 10m, nêu được ý nghĩa và đơn vị đo P, m.- Vận dụng được công thức P = 10m.- Đo được lực bằng lực kế. | Cá nhân, nhóm |  |
| 12 | 12 | Bài 11. Khối lượng riêng. Trọng lượng riêng | 1 | - Phát biểu được định nghĩa khối lượng riêng (D) và viết được công thức tính khối lượng riêng. Nêu được đơn vị đo khối lượng riêng. - Nêu được cách xác định khối lượng riêng của một chất.- Tra được bảng khối lượng riêng của các chất.- Vận dụng được công thức tính khối lượng riêng để giải một số bài tập đơn giản. | Cá nhân, nhóm | Mục III. Xác định trọng lượng riêng của một chất- Không làm.  |
| 13 | 13 | Bài 12. Thực hành: Xác định khối lượng riêng của sỏi | 1 | - Biết áp dụng công thức  để xác định khối lượng riêng của sỏi.- Biết sử dụng cân để đo khối lượng của sỏi, sử dụng bình chia độ để đo khối lượng của sỏi.- Biết cách tiến hành một bài thực hành vật lý. | Cả lớp, cá nhân, nhóm |  |
| 14-16 | 14-16 | Chủ đề. Máy cơ đơn giản - Mặt phẳng nghiêng - Đòn bẩy - Ròng rọc. | 3 | - Nêu được các máy cơ đơn giản có trong vật dụng và thiết bị thông thường.- Nêu được tác dụng của mặt phẳng nghiêng là giảm lực kéo hoặc đẩy vật và đổi hướng của lực. Nêu được tác dụng này trong các ví dụ thực tế.- Nêu được tác dụng của đòn bẩy. Nêu được tác dụng này trong các ví dụ thực tế.***-*** Nêu được tác dụng của ròng rọc cố định và ròng rọc động. Nêu được tác dụng này trong các ví dụ thực tế.***-*** Sử dụng ròng rọc phù hợp trong những trường hợp thực tế cụ thể và chỉ rõ lợi ích của nó. | Cá nhân, cả lớp, nhóm | Tích hợp bài 13, bài 14, bài 15 và bài 16 thành chủ đề. - Bài 14. Mục 4. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn.- Bài 15. Mục 4. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn.- Bài 16. Mục III. Vận dụng- Tự học có hướng dẫn. |
| 17 | 17 | Tổng kết chương I. Cơ học | 1 | - Ôn lại những kiến thức cơ bản về cơ học đã học trong chương I.- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích một số bài tập, một số hiện tượng trong đời sống.- Rèn luyện kĩ năng giải bài tập, sử dụng đúng ngôn ngữ vật để giải thích bài tập. | Cá nhân, nhóm , cả lớp |  |
| ***18*** | ***18*** | ***Kiểm tra cuối kỳ I*** | ***1*** | ***- Kiểm tra kiến thức HS đã học từ tiết 1 đến tiết 16******- Lập luận, giải thích, liên hệ thực tế, vận dụng các công thức tính toán, trình bày khoa học, ngắn gọn.*** | ***Cá nhân*** |  |

**HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Thời lượng dạy học** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Điều chỉnh****thực hiện** |
| **Chương II: Nhiệt học** | **13 tiết** |  |  |  |
| 19-22 | 19-22 | Chủ đề: Sự nở vì nhiệt của chất rắn - Chất lỏng - Chất khí - Một số ứng dụng của sự nở vì nhiệt | 4 | - Mô tả được hiện tượng nở vì nhiệt của các chất rắn, lỏng, khí.- Lấy được các ví dụ thực tế cho thấy các chất nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi.- Nhận biết được các chất rắn, lỏng, khí khác nhau nở vì nhiệt giống hay khác nhau.- So sánh được sự nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng, chất khí.- Nêu được ví dụ về các vật khi nở vì nhiệt, nếu bị ngăn cản thì gây ra lực lớn.- Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt của chất rắn, nếu bị ngăn cản thì gây ra lực lớn để giải thích được một số hiện tượng và ứng dụng thực tế. | Cá nhân, nhóm | Tích hợp bài 18 và bài 19, bài 20 và bài 21 thành chủ đề.- Bài 18. Mục 4-Tự học có hướng dẫn.- Bài 19. Mục 4- Tự học có hướng dẫn.- Bài 20. Mục 4- Tự học có hướng dẫn.- Bài 21. Thí nghiệm 21.1 (a, b) Không làm. Chỉ giới thiệu và yêu cầu phân tích để trả lời câu hỏi; Mục 3- Tự học có hướng dẫn. |
| 23 | 23 | Bài 22. Nhiệt kế - Thang nhiệt độ | 1 | .- Mô tả được nguyên tắc cấu tạo và cách chia độ của nhiệt kế dùng chất lỏng.- Nêu được ứng dụng của nhiệt kế dùng trong phòng thí nghiệm, nhiệt kế rượu và nhiệt kế y tế.- Nhận biết được một số nhiệt độ thường gặp theo thang nhiệt độ Xenxiut.- Xác định được GHĐ và ĐCNN của mỗi loại nhiệt kế khi quan sát trực tiếp hoặc qua ảnh chụp, hình  | Cá nhân, nhóm |  |
| 24 | 24 | Bài 23. Thực hành đo nhiệt độ | 1 | - Biết sử dụng các nhiệt kế thông thường để đo nhiệt độ theo đúng quy trình.- Lập được bảng theo dõi sự thay đổi nhiệt độ của một vật theo thời gian. | Cá nhân, nhóm |  |
| 25 | 25 | Chủ đề. Sự nóng chảy và sự đông đặc (Tiết 1) | 1 | - Mô tả được quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của các chất.- Nêu được đặc điểm về nhiệt độ trong quá trình nóng chảy của chất rắn.- Mô tả được quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của các chất.- Nêu được đặc điểm về nhiệt độ của quá trình đông đặc. | Cá nhân, nhóm | Tích hợp bài 24 và bài 25 thành chủ đề.- Bài 24. Mục 1. Phân tích kết quả thí nghiệm- Tự học có hướng dẫn. |
| 26 | 26 | Ôn Tập | 1 | Ôn tập lại các kiến thức đã học từ bài 19 đến 23.Vận dụng được kiến thức làm một số bài tập. | Cá nhân |  |
| ***27*** | ***27*** | ***Kiểm tra giữa kỳ II*** | ***1*** | ***- Kiểm tra kiến thức HS đã học từ tiết 19 đến tiết 24.*** | ***Cá nhân*** |  |
| 28 | 28 | Chủ đề. Sự nóng chảy và sự đông đặc (Tiết 2) | 1 | - Mô tả được quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của các chất.- Nêu được đặc điểm về nhiệt độ trong quá trình nóng chảy của chất rắn.- Mô tả được quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của các chất.- Nêu được đặc điểm về nhiệt độ của quá trình đông đặc. | Cá nhân, nhóm | Dạy bài 25 |
| 29-30 | 29-30 | Chủ đề: Sự bay hơi và sự ngưng tụ. | 2 | - Mô tả được quá trình chuyển thể trong sự bay hơi của chất lỏng. ***-*** Mô tả được quá trình chuyển thể trong sự ngưng tụ của chất lỏng.***-*** Vận dụng được kiến thức về sự ngưng tụ để giải thích được một số hiện tượng đơn giản. | Cá nhân, cả lớp, nhóm | Tích hợp bài 26, bài 27 thành chủ đề.- Bài 26. Mục 2c. Khuyến khích học sinh tự làm.- Bài 27. Mục 2b. Khuyến khích học sinh tự làm.  |
| 31-32 | 31-32 | Chủ đề. Sự sôi | 2 | - Mô tả được sự sôi.- Nêu được đặc điểm về nhiệt độ sôi.- Giải thích một số hiện tượng và ứng dụng liên quan đến nhiệt độ sôi và sự sôi trong thực tế. | Cá nhân, nhóm | Tích hợp bài 28 và bài 29 thành chủ đề.Bài 28. Mục I.1. Khuyến khích học sinh tự làm. |
| 33 | 33 | Bài 30: Tổng kết chương II: Nhiệt học | 1 | - Hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học để chuẩn bị kiểm tra học kì II.- Củng cố lại các công thức và vận dụng giải thích bài tập. | Cá nhân, nhóm |  |
| 34 | 34 | Ôn tập | 1 | Hệ thống lại các kiến thức đã học | Cả lớp |  |
| ***35*** | ***35*** | ***Kiểm tra cuối kỳ II*** | ***1*** | ***Kiểm tra các kiến thức đã học*** | ***Cá nhân*** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Hợp Tiến, ngày tháng 9 năm 2020* |
| **HIỆU TRƯỞNG****Đặng Vũ Trường** | **TỔ TRƯỞNG****Đoàn Thị Thùy Dương** | **NGƯỜI LẬP****Bằng Thị Hạnh** |